**CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC CÓ HIỆU LỰC TỪ THÁNG 03/2023**

**1. Chính sách tiền lương công chức, viên chức có hiệu lực từ tháng 3/2023**

Cụ thể, những chức danh nghề nghiệp công chức, viên chức và quy định về xếp lương các chức danh nghề nghiệp sau đây sẽ có hiệu lực từ tháng 3/2023:

***1.1. Viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường sắt***

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành [Thông tư 49/2022/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Thong-tu-49-2022-TT-BGTVT-ma-so-tieu-chuan-chuc-danh-nghe-nghiep-quan-ly-du-an-duong-sat-548921.aspx) quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường sắt.

Theo đó, việc xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường sắt như sau:

- Chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường sắt hạng I được áp dụng hệ số lương viên chức loại A3, nhóm 1 (A3.1) từ hệ số lương 6,20 đến hệ số lương 8,00;

- Chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường sắt hạng II được áp dụng hệ số lương viên chức loại A2, nhóm 1 (A2.1) từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78;

- Chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường sắt hạng III được áp dụng hệ số lương viên chức loại A1 từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98;

- Chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường sắt hạng IV được áp dụng hệ số lương viên chức loại A0 từ hệ số lương 2,10 đến hệ số lương 4,89.

[Thông tư 49/2022/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Thong-tu-49-2022-TT-BGTVT-ma-so-tieu-chuan-chuc-danh-nghe-nghiep-quan-ly-du-an-duong-sat-548921.aspx) có hiệu lực từ ngày 01/03/2023.

***1.2. Viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường bộ***

Ngày 30/12/2022, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành [Thông tư 46/2022/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Thong-tu-46-2022-TT-BGTVT-ma-so-tieu-chuan-vien-chuc-nganh-quan-ly-du-an-duong-bo-548500.aspx) quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường bộ.

Cụ thể, việc xếp lương viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường bộ như sau:

- Chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường bộ hạng I được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A3, nhóm 1 (A3.1) từ hệ số lương 6,20 đến hệ số lương 8,00;

- Chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường bộ hạng II được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm 1 (A2.1) từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78;

- Chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường bộ hạng III được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1 từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98;

- Chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường bộ hạng IV được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A0 từ hệ số lương 2,10 đến hệ số lương 4,89.

Xem thêm [Thông tư 46/2022/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Thong-tu-46-2022-TT-BGTVT-ma-so-tieu-chuan-vien-chuc-nganh-quan-ly-du-an-duong-bo-548500.aspx) có hiệu lực từ ngày 01/3/2023.

***1.3. Viên chức chuyên ngành đăng kiểm***

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành [Thông tư 45/2022/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Thong-tu-45-2022-TT-BGTVT-ma-so-tieu-chuan-xep-luong-vien-chuc-nganh-dang-kiem-548499.aspx) ngày 30/12/2022 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành đăng kiểm.

Theo đó, viên chức chuyên ngành đăng kiểm được xếp lương như sau:

- Chức danh nghề nghiệp Viên chức đăng kiểm hạng I được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A3, nhóm 1 (A3.1) từ hệ số lương 6,20 đến hệ số lương 8,00;

- Chức danh nghề nghiệp Viên chức đăng kiểm hạng II được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm 1 (A2.1) từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78;

- Chức danh nghề nghiệp Viên chức đăng kiểm hạng III được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1 từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98;

- Chức danh nghề nghiệp Viên chức đăng kiểm hạng IV được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A0 từ hệ số lương 2,10 đến hệ số lương 4,89.

[Thông tư 45/2022/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Thong-tu-45-2022-TT-BGTVT-ma-so-tieu-chuan-xep-luong-vien-chuc-nganh-dang-kiem-548499.aspx) có hiệu lực từ ngày 01/3/2023.

***1.4.  Viên chức chuyên ngành quản lý dự án hàng hải***

Việc xếp lương với viên chức chuyên ngành quản lý dự án hàng hải là nội dung tại [Thông tư 41/2022/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Thong-tu-41-2022-TT-BGTVT-ma-so-xep-luong-vien-chuc-nganh-quan-ly-du-an-hang-hai-548496.aspx) ngày 30/12/2022 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành quản lý dự án hàng hải.

Theo đó, việc xếp lương với viên chức chuyên ngành quản lý dự án hàng hải như sau:

- Chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án hàng hải hạng I được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A3, nhóm 1 (A3.1) từ hệ số lương 6,20 đến hệ số lương 8,00;

- Chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án hàng hải hạng II được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm 1 (A2.1) từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78;

- Chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án hàng hải hạng III được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1 từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98;

- Chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án hàng hải hạng IV được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A0 từ hệ số lương 2,10 đến hệ số lương 4,89.

Xem thêm [Thông tư 41/2022/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Thong-tu-41-2022-TT-BGTVT-ma-so-xep-luong-vien-chuc-nganh-quan-ly-du-an-hang-hai-548496.aspx) có hiệu lực từ ngày 01/3/2023.

***1.5. Viên chức chuyên ngành cảng vụ hàng hải***

[Thông tư 40/2022/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Thong-tu-40-2022-TT-BGTVT-ma-so-tieu-chuan-xep-luong-vien-chuc-nganh-cang-vu-hang-hai-548495.aspx) được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành ngày 30/12/2022 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành cảng vụ hàng hải.

Theo đó, việc xếp lương với viên chức chuyên ngành cảng vụ hàng hải như sau:

- Chức danh nghề nghiệp Cảng vụ viên hàng hải hạng I được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A3, nhóm 1 (A3.1) từ hệ số lương 6,20 đến hệ số lương 8,00.

- Chức danh nghề nghiệp Cảng vụ viên hàng hải hạng II được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm 1 (A2.1) từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78.

- Chức danh nghề nghiệp Cảng vụ viên hàng hải hạng III được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1 từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98.

- Chức danh nghề nghiệp Cảng vụ viên hàng hải hạng IV được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A0 từ hệ số lương 2,10 đến hệ số lương 4,89.

Xem thêm [Thông tư 40/2022/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Thong-tu-40-2022-TT-BGTVT-ma-so-tieu-chuan-xep-luong-vien-chuc-nganh-cang-vu-hang-hai-548495.aspx) có hiệu lực từ ngày 01/3/2023.

***1.6. Viên chức chuyên ngành kỹ thuật đường bộ, kỹ thuật bến phà***

Việc xếp lương viên chức chuyên ngành kỹ thuật đường bộ, kỹ thuật bến phà là nội dung tại [Thông tư 47/2022/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Thong-tu-47-2022-TT-BGTVT-ma-so-tieu-chuan-xep-luong-vien-chuc-nganh-ky-thuat-duong-bo-548501.aspx) ngày 30/12/2022 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành kỹ thuật đường bộ, chuyên ngành kỹ thuật bến phà.

Theo đó, viên chức chuyên ngành kỹ thuật đường bộ, kỹ thuật bến phà được xếp lương như sau:

- Chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên đường bộ hạng I được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A3, nhóm 1 (A3.1) từ hệ số lương 6,20 đến hệ số lương 8,00;

- Chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên đường bộ hạng II, chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên bến phà hạng II được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm 1 (A2.1) từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78;

- Chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên đường bộ hạng III, chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên bến phà hạng III được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1 từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98;

- Chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên đường bộ hạng IV được áp dụng hệ số lương viên chức loại A0 từ hệ số lương 2,10 đến hệ số lương 4,89.

[Thông tư 47/2022/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Thong-tu-47-2022-TT-BGTVT-ma-so-tieu-chuan-xep-luong-vien-chuc-nganh-ky-thuat-duong-bo-548501.aspx) có hiệu lực từ ngày 01/3/2023.

***1.7. Viên chức cảng vụ hàng không***

Tại [Thông tư 44/2022/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Thong-tu-44-2022-TT-BGTVT-sua-doi-Thong-tu-11-2020-TT-BGTVT-vien-chuc-cang-vu-hang-khong-548920.aspx) ngày 30/12/2022 quy định về sửa đổi [Thông tư 11/2020/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/thong-tu-11-2020-tt-bgtvt-ma-so-tieu-chuan-chuc-danh-nghe-nghiep-vien-chuc-cang-vu-hang-khong-443223.aspx) quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành cảng vụ hàng không.

Hiện hành tại [Thông tư 11/2020/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/thong-tu-11-2020-tt-bgtvt-ma-so-tieu-chuan-chuc-danh-nghe-nghiep-vien-chuc-cang-vu-hang-khong-443223.aspx) quy định 04 chức danh viên chức chuyên ngành cảng vụ hàng không gồm:

- Cảng vụ viên cảng vụ hàng không I;

- Cảng vụ viên cảng vụ hàng không II;

- Cảng vụ viên cảng vụ hàng không III;

- Cảng vụ viên cảng vụ hàng không IV.

Tuy nhiên, tại [Thông tư 44/2022/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Thong-tu-44-2022-TT-BGTVT-sua-doi-Thong-tu-11-2020-TT-BGTVT-vien-chuc-cang-vu-hang-khong-548920.aspx.) đã bổ sung thêm chức danh Cảng vụ viên cảng vụ hàng không .

Như vậy, việc xếp lương viên chức chuyên ngành cảng vụ hàng không như sau:

- Chức danh nghề nghiệp cảng vụ viên hàng không hạng I được áp dụng hệ số lương viên chức loại A3, nhóm 1 (A3.1) từ hệ số lương 6,20 đến hệ số lương 8,00;

- Chức danh nghề nghiệp cảng vụ viên hàng không hạng II được áp dụng hệ số lương viên chức loại A2, nhóm 1 (A2.1) từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78;

- Chức danh nghề nghiệp cảng vụ viên hàng không hạng III được áp dụng hệ số lương viên chức loại A1 từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98;

- Chức danh nghề nghiệp cảng vụ viên hàng không hạng IV được áp dụng hệ số lương viên chức loại A0 từ hệ số lương 2,10 đến hệ số lương 4,89.

- Chức danh nghề nghiệp Cảng vụ viên hàng không hạng V được áp dụng hệ số lương viên chức loại B, từ hệ số lương 1,86 đến hệ số lương 4,06.

Xem thêm [Thông tư 44/2022/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Thong-tu-44-2022-TT-BGTVT-sua-doi-Thong-tu-11-2020-TT-BGTVT-vien-chuc-cang-vu-hang-khong-548920.aspx.) có hiệu lực từ ngày 01/3/2023.

***1.8. Viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường thủy***

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành [Thông tư 43/2022/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Thong-tu-43-2022-TT-BGTVT-ma-so-tieu-chuan-vien-chuc-nganh-quan-ly-du-an-duong-thuy-548498.aspx) ngày 30/12/2022 quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường thủy.

Theo đó, việc xếp lương với viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường thủy như sau:

- Chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường thủy hạng I được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A3, nhóm 1 (A3.1) từ hệ số lương 6,20 đến hệ số lương 8,00;

- Chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường thủy hạng II được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm 1 (A2.1) từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78;

- Chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường thủy hạng III được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1 từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98;

- Chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường thủy hạng IV được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A0 từ hệ số lương 2,10 đến hệ số lương 4,89.

Xem thêm [Thông tư 43/2022/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Thong-tu-43-2022-TT-BGTVT-ma-so-tieu-chuan-vien-chuc-nganh-quan-ly-du-an-duong-thuy-548498.aspx) có hiệu lực từ ngày 01/3/2023.

***1.9. Viên chức chuyên ngành cảng vụ đường thủy nội địa***

Tại [Thông tư 39/2022/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Thong-tu-39-2022-TT-BGTVT-xep-luong-vien-chuc-chuyen-nganh-cang-vu-duong-thuy-noi-dia-548437.aspx) ngày 30/12/2022 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành cảng vụ đường thủy nội địa.

Cụ thể, việc xếp lương viên chức chuyên ngành cảng vụ đường thủy nội địa như sau:

- Chức danh nghề nghiệp Cảng vụ viên đường thủy nội địa hạng I được áp dụng hệ số lương viên chức loại A3, nhóm 1 (A3.1) từ hệ số lương 6,20 đến hệ số lương 8,00;

- Chức danh nghề nghiệp Cảng vụ viên đường thủy nội địa hạng II được áp dụng hệ số lương viên chức loại A2, nhóm 1 (A2.1) từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78;

- Chức danh nghề nghiệp Cảng vụ viên đường thủy nội địa hạng III được áp dụng hệ số lương viên chức loại A1 từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98;

- Chức danh nghề nghiệp Cảng vụ viên đường thủy nội địa hạng IV được áp dụng hệ số lương viên chức loại A0 từ hệ số lương 2,10 đến hệ số lương 4,89.

[Thông tư 39/2022/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Thong-tu-39-2022-TT-BGTVT-xep-luong-vien-chuc-chuyen-nganh-cang-vu-duong-thuy-noi-dia-548437.aspx) có hiệu lực từ ngày 01/3/2023.

***1.10. Viên chức chuyên ngành tìm kiếm cứu nạn hàng hải, thông tin an ninh hàng hải***

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành [Thông tư 38/2022/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Thong-tu-38-2022-TT-BGTVT-xep-luong-vien-chuc-chuyen-nganh-tim-kiem-cuu-nan-hang-hai-548436.aspx) ngày 30/12/2022 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành tìm kiếm cứu nạn hàng hải, thông tin an ninh hàng hải.

Theo đó, việc xếp lương với viên chức chuyên ngành tìm kiếm cứu nạn hàng hải, thông tin an ninh hàng hải như sau:

- Chức danh nghề nghiệp Tìm kiếm cứu nạn hàng hải hạng I, Thông tin an ninh hàng hải hạng I được áp dụng hệ số lương viên chức loại A3, nhóm 1 (A3.1) từ hệ số lương 6,20 đến hệ số lương 8,00;

- Chức danh nghề nghiệp Tìm kiếm cứu nạn hàng hải hạng II, Thông tin an ninh hàng hải hạng II được áp dụng hệ số lương viên chức loại A2, nhóm 1 (A2.1) từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78;

- Chức danh nghề nghiệp Tìm kiếm cứu nạn hàng hải hạng III, Thông tin an ninh hàng hải hạng III được áp dụng hệ số lương viên chức loại A1 từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98.

[Thông tư 38/2022/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Thong-tu-38-2022-TT-BGTVT-xep-luong-vien-chuc-chuyen-nganh-tim-kiem-cuu-nan-hang-hai-548436.aspx) có hiệu lực từ ngày 01/3/2023.

**2. Mức lương cơ sở áp dụng trong năm 2023**

Theo đó, mức lương cơ sở áp dụng trong năm 2023 chia thành 02 giai đoạn như sau:

- Đến hết ngày 30/6/2023: 1.490.000 đồng theo [Nghị định 38/2019/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/chinh-sach-phap-luat-moi/vn/thoi-su-phap-luat/chinh-sach-moi/46405/v).

- Từ ngày 01/7/2023: 1.800.000 đồng theo [Nghị quyết 69/2022/QH15](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-chinh-nha-nuoc/Nghi-quyet-69-2022-QH15-du-toan-ngan-sach-nha-nuoc-2023-541860.aspx).